

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/DS-ST

Ngày: 26 - 08 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 08 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố số A (H), xã H, tỉnh Ninh Bình. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố Đ (H), xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt không lý do.

- *Người làm chứng:* Ông Vũ Minh H1, địa chỉ: Tổ dân phố B (H), xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ thân quen với vợ chồng chị Vũ Thị H, anh Nguyễn Văn N nên ngày 01/4/2023, chị có cho chị H, anh N vay số tiền là: 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận 20%/01 năm. Khi vay chị H lấy lý do vay tiền về cưới con gái và mua 01 xe lợn thịt để giết bán, xong việc sẽ trả tiền cho chị. Nhưng chị H, anh N không thực hiện như thỏa thuận, do chị đòi nợ nhiều

lần nên chị H, anh N trả lãi cho chị đến hết tháng 02 năm 2024. Từ 01/3/2024 (dương lịch) đến nay, vợ chồng chị H, anh N không trả gốc và lãi mà bỏ đi làm kinh tế, hiện chị không biết vợ chồng chị H, anh N ở đâu, gọi điện thoại thì tắt máy.

Nay chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị H, anh N liên đới trả nợ cho chị số tiền gốc là 210.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 01/3/2024 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Mai Thị T rút lại yêu cầu trả lãi. Do trong giấy vay tiền không có chữ ký của anh N nên chị cũng không yêu cầu anh N phải liên đới cùng chị H trả số tiền vay gốc trên cho chị.

Bị đơn là chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng các phương thức niêm yết công khai và đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của chị H, anh N đối với yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T.

Người làm chứng ông Vũ Minh H1 trình bày: Ông là bố đẻ của chị Vũ Thị H; anh Nguyễn Văn Nghĩa L con rể của ông. Hiện nay, vợ chồng chị H, anh N đang đi làm kinh tế ở trong miền nam, ông không biết địa chỉ cụ thể, ông chỉ liên lạc với chị H, anh N qua điện thoại. Về việc chị H, anh N có vay tiền của chị T hay không, ông không biết. Ông không đồng ý ký nhận thay các văn bản tố tụng cho chị H, anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không tham gia phiên tòa là chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T đòi nợ đối với chị Vũ Thị H; buộc chị Vũ Thị H có trách nhiệm trả nợ gốc cho chị Mai Thị T số tiền là 210.000.000 đồng. Chị Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn chị Mai Thị T yêu cầu vợ chồng chị Vũ Thị H, anh Nguyễn Văn N trả nợ tiền vay gốc là 210.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 giấy biên nhận đánh máy, nội dung viết tay đề ngày 01/4/2023 với số tiền vay là 210.000.000 đồng, có chữ ký của người vay là chị Vũ Thị H nhưng không có chữ ký của anh Nguyễn Văn N. Bị đơn chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn N mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[2.2] Theo giấy biên nhận nợ do chị Vũ Thị H cung cấp, lời khai của người làm chứng, kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án có cơ sở xác định chị Mai Thị T đã cho chị Vũ Thị H vay nợ vào ngày 01/4/2023 với số tiền là 210.000.000đ, giấy vay nợ chỉ có chị H ký tên, anh N không ký. Theo lời trình bày của chị T, khi vay chị H nói lý do để về cưới con và mua lợn về giết để bán, do tin tưởng chị T không yêu cầu anh N ký. Tuy nhiên ngoài lời khai của chị T thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định anh N có biết việc vợ anh là chị H vay số tiền trên của chị T và tài sản vay được sử dụng cho mục đích chung của gia đình; không có tài liệu, chứng cứ nào về việc chị H đã trả nợ số tiền đã vay trên cho chị T. Đến nay, chị T rút yêu cầu buộc anh N phải liên đới trả nợ cùng với chị H nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T về việc đòi nợ đối với chị Vũ Thị H là phù hợp.

[2.3] Về lãi: Tại đơn khởi kiện chị Mai Thị T yêu cầu trả nợ lãi đối với số tiền gốc đã vay theo lãi suất 20%/01 năm tính từ ngày vay nợ, vì theo lời trình bày của chị T, sau khi vay nợ, chị H đã trả lãi cho chị T đến hết tháng 02/2024. Từ ngày 01/3/2024 đến nay không trả lãi nên chị T yêu cầu trả lãi đến ngày xét xử. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị H đã tự nguyện rút lại yêu cầu trả lãi tính từ ngày 01/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị H có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn N liên đới cùng chị Vũ Thị H trả nợ và đình chỉ yêu cầu trả lãi đối với tiền gốc đã vay của chị Mai Thị T do rút yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T.

Buộc chị Vũ Thị H2 trả cho chị Mai Thị T số tiền gốc là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vũ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại chị Mai Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000377 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11, tỉnh Ninh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 11;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đính